

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2021
V/v “*Tranh chấp xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Bùi Thanh Trí**

2/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố T* tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cúc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Xuân Q**, sinh năm 1994 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Mậu Thân, phường H, quận K, thành phố T.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Minh N**, sinh năm 1995 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 44, khu vực 7, phường P, quận C, thành phố T.

Bà Lê Thị Minh N hiện đang chấp hành án theo bản án số 32/2021/HSST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q trình bày:

Qua tìm hiểu chúng tôi tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú, quận C, thành phố T vào ngày 26/4/2016.

Chúng tôi sống hạnh phúc được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ tôi không làm tròn trách nhiệm người vợ. Chúng tôi đã ly thân hơn 2 năm nay. Mỗi người đều có cuộc sống riêng. Vì vậy, tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận C, thành phố T giải quyết cho tôi vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với bà Lê Thị Minh N.

+ Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Quốc A (nam); sinh ngày 16/02/2017. Hiện tại cháu Quốc A đang sống với tôi và gia đình bên nội. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi con tôi đến trưởng thành. Không yêu cầu vợ tôi cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Bị đơn trình bày:

Tôi thống nhất với trình bày của chồng tôi về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Chúng tôi chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn về chuyện gia đình. Chúng tôi đã ly thân gần 02 năm nay. Mỗi người đều có cuộc sống riêng.

Trước yêu cầu khởi kiện của chồng tôi. Tôi có ý kiến như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi cần thời gian để suy nghĩ lại.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quốc A (nam); sinh ngày 16/02/2017. Hiện tại cháu Quốc A đang sống với bà nội Đặng Kim Oanh. Tôi cần thời gian để suy nghĩ.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Vụ án được hòa giải nhưng không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt với lý do đang chấp hành án bản số 32/2021/HSST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt cho nên xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa ông Q và bà N đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Ông Nguyễn Xuân Q và Lê Thị Minh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú, quận C, thành phố T vào ngày 26/4/2016 cho nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông Q và bà N phát sinh mâu thuẫn, ông Q có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà N nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*”. Bị đơn có địa chỉ tại quận C cho nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn Nguyễn Xuân Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn – Lê Thị Minh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt với lý do hiện đang chấp hành bản án số 32/2021/HSST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố T cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt nguyên đơn và bị đơn) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân*: Ông Q và bà N tự nguyện chung sống năm 2015 và có đăng ký kết hôn năm 2016, sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về chuyện tình cảm gia đình. Bà N cũng thừa nhận là có mâu thuẫn và cả hai đã ly thân (BL 36). Xét trong quá trình giải quyết vụ án, khi được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Q vẫn kiên quyết ly hôn và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ giữa ông Q và bà N đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Quốc A (nam); sinh ngày 16/2/2017. Hiện tại cháu Quốc A đang sống với ông Q và gia đình bên nội. Bà N cũng thừa nhận cháu Quốc A đang sống với bà nội Đặng Kim Oanh (BL 36). Xét thấy, bị đơn N đang chấp hành hình phạt tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 32/2021/HSST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố T cho nên việc trực tiếp nuôi con là không thể. Ngoài ra, hiện tại cháu Quốc Anh đang sống chung với ông Q và gia đình bên nội. Ông Q cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Quốc A đến khi trưởng thành. Nhằm tạo điều kiện về mặt vật chất và tinh thần cho cháu Quốc A tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Vì vậy, việc giao cháu Quốc A cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật và cũng đảm bảo cuộc sống cho cháu Quốc A. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q về việc ly hôn với bà Lê Thị Minh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân Q được ly hôn với bà Lê Thị Minh N.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Quốc A (nam); sinh ngày 16/02/2017. Hiện tại cháu Quốc A đang sống với ông Q và gia đình bên nội. Giao cháu Quốc A cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận ông Q không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân Q phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp theo biên lai thu số 0008009 ngày 05/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự, quận C thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Ông Q đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND QCR;
- Chi cục THADS quận C;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trung Hiến